

Số: 1857/TB-SNN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO
Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-SNN ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao thực hiện và ký thừa ủy quyền các thủ tục hành chính.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ: Nguyễn Văn Quỳ Khu phố 1, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp: 0300632232

Cho sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật sau:

TT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Kiểu (dạng) thuốc	Loại thuốc	Đặc trưng kỹ thuật	Số, ký hiệu Bản công bố hợp quy	Căn cứ công bố hợp quy	Chi chú
1	Bascide 50 EC (số 830/CNĐKT-BVTV ngày 31/5/2019)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ sâu	Fenobucarb 50% w/w	06:2023/BVTV-SG	- Quyết định số 57398/QĐ-VC ngày 23/11/2023 của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy bổ sung. - Số giấy chứng nhận: 1045739830 - Ngày hiệu lực: 22/11/2023 - Hạn hiệu lực: 22/11/2026	Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Butyl 10 WP (số 654/CNĐKT-BVTV ngày 22/4/2019)	Bột thấm nước	Thuốc trừ sâu	Buprofezin 10% w/w	08:2023/BVTV-SG		
3	Butyl 40 WG (số 3606/CNĐKT-BVTV ngày 10/5/2021)	Thuốc hạt phân tán trong nước	Thuốc trừ sâu	Buprofezin 40% w/w	09:2023/BVTV-SG		
4	Butyl 400SC (số 5432/CNĐKT-BVTV ngày 22/4/2022)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ sâu	Buprofezin 400 g/l	10:2023/BVTV-SG		

TT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Kiểu (dạng) thuốc	Loại thuốc	Đặc trưng kỹ thuật	Số, ký hiệu Bản công bố hợp quy	Căn cứ công bố hợp quy	Ghi chú
5	Comda gold 5WG (số 2719/ CNĐKT-BVTV ngày 30/12/2022 và 2719/CNĐKT- BVTV ngày 21/10/2020)	Thuốc hạt phân tán trong nước	Thuốc trừ sâu	Emamectin benzoate 5% w/w	12:2023 /BVTV-SG	- Quyết định số 57398/QĐ-VC ngày 23/11/2023 của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy bổ sung. - Số giấy chứng nhận: 1045739830 - Ngày hiệu lực: 22/11/2023 - Hạn hiệu lực: 22/11/2026	Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Dimenat 20EC (số 3026/ CNĐKT-BVTV ngày 11/5/2020)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ sâu	Dimethoate 20% w/w	13:2023 /BVTV-SG		
7	Dioto 250EC (số 1908/ CNĐKT-BVTV ngày 13/3/2020)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ ốc	Niclosamide 250 g/l	14:2023 /BVTV-SG		
8	Dioto 830WG (số 879/CNĐKT- BVTV ngày 30/12/2022)	Thuốc hạt phân tán trong nước	Thuốc trừ ốc	Niclosamide- olamine 830g/kg	15:2023 /BVTV-SG		
9	Fenbis 25EC (số 2360/ CNĐKT-BVTV ngày 15/6/2020)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ sâu	Fenvalerate 3.5% w/w + Dimethoate 21.5% w/w	16:2023 /BVTV-SG		
10	Gà nòi 4 GR (số 4483/ CNĐKT-BVTV ngày 11/10/2021)	Thuốc hạt	Thuốc trừ sâu	Cartap hydrochloride 4% w/w	17:2023 /BVTV-SG		
11	Gà nòi 95 SP (số 650/CNĐKT- BVTV ngày 11/10/2021)	Bột hòa tan (Bột tan trong nước)	Thuốc trừ sâu	Cartap hydrochloride 95% w/w	18:2023 /BVTV-SG		
12	Mipcide 50WP (số 2289/ CNĐKT-BVTV ngày 15/6/2020)	Bột thấm nước	Thuốc trừ sâu	Isoprocab 50% w/w	19:2023 /BVTV-SG	- Quyết định số 57398/QĐ-VC ngày 23/11/2023 của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy bổ	Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Netoxin 90WP (số 918/CNĐKT- BVTV ngày 31/5/2019)	Bột thấm nước	Thuốc trừ sâu	Thiosultap- sodium (Nereistoxin) 90% w/w	20:2023 /BVTV-SG		
14	Osago 80WG (số 6883/ CNĐKT-BVTV ngày 11/02/2022, 26/10/2020 và	Thuốc hạt phân tán trong nước	Thuốc trừ sâu	Nitenpyram 20% w/w + Pymetrozine 60% w/w	21:2023 /BVTV-SG		

TT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Kiểu (dạng) thuốc	Loại thuốc	Đặc trưng kỹ thuật	Số, ký hiệu Bản công bố hợp quy	Căn cứ công bố hợp quy	Ghi chú
	05/11/2019)					sung. - Số giấy chứng nhận: 1045739830 - Ngày hiệu lực: 22/11/2023 - Hạn hiệu lực: 22/11/2026	
15	Roninda 100SL (số 3609/ CNĐKT-BVTV ngày 10/5/2021)	Thuốc đậm đặc tan trong nước	Thuốc trừ sâu	Cyromazine 100g/l	22:2023 /BVTV-SG		
16	Sagometro 50WG (số 4482/ CNĐKT-BVTV ngày 11/10/2021)	Thuốc hạt phân tán trong nước	Thuốc trừ sâu	Pymetrozine 50% w/w	23:2023 /BVTV-SG		
17	Sago-Super 20EC (số 296/CNĐKT-BVTV ngày 12/10/2023)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ sâu	Chlorpyrifos Methyl 20%w/w	24:2023 /BVTV-SG		
18	Sago-Super 3GR (số 290/CNĐKT-BVTV ngày 12/10/2023)	Thuốc hạt	Thuốc trừ sâu	Chlorpyrifos-methyl 3%w/w	25:2023 /BVTV-SG		
19	Saikumi 39.35SC (số 6967/ CNĐKT-BVTV ngày 05/11/2019 và 16/01/2023)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ sâu	Flubendiamide 39.35% w/w	26:2023 /BVTV-SG		
20	Saimida 100SL (số 5426/ CNĐKT-BVTV ngày 22/4/2022)	Thuốc đậm đặc tan trong nước	Thuốc trừ sâu	Imidacloprid 100 g/l	27:2023 /BVTV-SG		
21	Saivina 430SC (số 1910/ CNĐKT-BVTV ngày 13/3/2020)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ sâu	Carbaryl 430 g/l	28:2023 /BVTV-SG		
22	Saliphos 35EC (số 2705/ CNĐKT-BVTV ngày 21/10/2020)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ sâu	Phosalone 35% w/w	29:2023 /BVTV-SG	- Quyết định số 57398/QĐ-VC ngày 23/11/2023 của Trung tâm Giám định và	Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023

H. L. A.
 SỞ
 NGHI
 TẬT TR
 G THÔ
 HỒ CH

TT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Kiểu (dạng) thuốc	Loại thuốc	Đặc trưng kỹ thuật	Số, ký hiệu Bản công bố hợp quy	Căn cứ công bố hợp quy	Ghi chú
23	Sapen-Alpha 5EC (số 873/CNĐKT-BVTV ngày 31/5/2019)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ sâu	Alpha-cypermethrin 50g/l	30:2023 /BVTV-SG	Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy bổ sung. - Số giấy chứng nhận: 1045739830 - Ngày hiệu lực: 22/11/2023 - Hạn hiệu lực: 22/11/2026	của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
24	Saromite 57 EC (số 1909/CNĐKT-BVTV ngày 13/3/2020)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ sâu	Propargite 570g/l	31:2023 /BVTV-SG		
25	Secsaigon 25EC (số 877/CNĐKT-BVTV ngày 11/5/2020)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ sâu	Cypermethrin 25% w/w	32:2023 /BVTV-SG		
26	Sêu đỏ 3EC (số 3131/CNĐKT-BVTV ngày 05/01/2021)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ sâu	Acetamiprid 30g/l	33:2023 /BVTV-SG		
27	Sherzol 205EC (số 4666/CNĐKT-BVTV ngày 08/02/2023)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ sâu	Phosalone 175 g/l + Cypermethrin 30 g/l	34:2023 /BVTV-SG		
28	SK Enspray 99EC (số 1606/CNĐKT-BVTV ngày 01/11/2019 và 11/02/2020)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ sâu	Petroleum spray oil 99% w/w	35:2023 /BVTV-SG	- Quyết định số 57398/QĐ-VC ngày 23/11/2023 của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy bổ sung. - Số giấy chứng nhận: 1045739830 - Ngày hiệu lực: 22/11/2023 - Hạn hiệu lực: 22/11/2026	Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
29	Vovinam 2.5EC (số 3027/CNĐKT-BVTV ngày 05/01/2021)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ sâu	Lambda-cyhalothrin 25 g/l	36:2023 /BVTV-SG		
30	Sagofort 10GR (số 7336/CNĐKT-BVTV ngày 11/02/2022)	Thuốc hạt	Thuốc trừ sâu	Fosthiazate 10% w/w	37:2023 /BVTV-SG		
31	Kingspider 93SC (số 7804/CNĐKT-BVTV ngày 16/01/2023)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ sâu	Emamectin benzoate 18g/kg + Spirodiclofen 75g/kg	38:2023 /BVTV-SG		
32	Alpine 80WG (số 1725/CNĐKT-BVTV ngày 02/01/2020)	Thuốc hạt phân tán trong nước	Thuốc trừ bệnh	Fosetyl-aluminium 80% w/w	39:2023 /BVTV-SG		

TT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Kiểu (dạng) thuốc	Loại thuốc	Đặc trưng kỹ thuật	Số, ký hiệu Bản công bố hợp quy	Căn cứ công bố hợp quy	Ghi chú
33	Alpine 80WP (số 655/CNĐKT-BVTV ngày 11/01/2021)	Bột thấm nước	Thuốc trừ bệnh	Fosetyl-aluminium 80% w/w	40:2023 /BVTV-SG		
34	Dipomate 430SC (số 653/CNĐKT-BVTV ngày 22/4/2019)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ bệnh	Mancozeb 430 g/l	41:2023 /BVTV-SG		
35	Hạt vàng 250SC (số 1724/ CNĐKT-BVTV ngày 04/02/2020)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ bệnh	Iprodine 250g/l	43:2023 /BVTV-SG	- Quyết định số 57398/QĐ-VC ngày 23/11/2023 của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy bổ sung. - Số giấy chứng nhận: 1045739830 - Ngày hiệu lực: 22/11/2023 - Hạn hiệu lực: 22/11/2026	Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
36	Hạt vàng 50WP (số 1884/ CNĐKT-BVTV ngày 13/3/2020)	Bột thấm nước	Thuốc trừ bệnh	Iprodine 50% w/w	44:2023 /BVTV-SG		
37	Kisaigon 10GR (số 4681/ CNĐKT-BVTV ngày 08/02/2023)	Thuốc hạt	Thuốc trừ bệnh	Iprobenfos 100 g/kg	45:2023 /BVTV-SG		
38	Kisaigon 50EC (số 6450/ CNĐKT-BVTV ngày 08/02/2023)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ bệnh	Iprobenfos 50% w/w	46:2023 /BVTV-SG		
39	Lúa Vàng 20WP (số 3024/ CNĐKT-BVTV ngày 05/01/2021)	Bột thấm nước	Thuốc trừ bệnh	Iprobenfos 14% w/w + Tricyclazole 6% w/w	47:2023 /BVTV-SG		
40	Lunasa 25EC (số 4481/ CNĐKT-BVTV ngày 11/10/2021)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ bệnh	Propiconazole 250g/l	48:2023 /BVTV-SG		
41	Luster 250SC (số 2028/ CNĐKT-BVTV ngày 13/3/2020)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ bệnh	Pencycuron 250 g/l	49:2023 /BVTV-SG		

TT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Kiểu (dạng) thuốc	Loại thuốc	Đặc trưng kỹ thuật	Số, ký hiệu Bản công bố hợp quy	Căn cứ công bố hợp quy	Ghi chú
42	Mexyl MZ 72 WP (số 2706/ CNĐKT-BVTV ngày 21/10/2020)	Bột thấm nước	Thuốc trừ bệnh	Metalaxyl 8% w/w + Mancozeb 64% w/w	50:2023 /BVTV-SG	- Quyết định số 57398/QĐ-VC ngày 23/11/2023 của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy bổ sung. - Số giấy chứng nhận: 1045739830 - Ngày hiệu lực: 22/11/2023 - Hạn hiệu lực: 22/11/2026	Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
43	Dipomate 80WP (số 4502/ CNĐKT-BVTV ngày 08/02/2023)	Bột thấm nước	Thuốc trừ bệnh	Mancozeb 80% w/w	50:2023 /BVTV-SG		
44	Sagograin 300EC (số 4480/ CNĐKT-BVTV ngày 11/10/2021)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ bệnh	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150 g/l	51:2023 /BVTV-SG		
45	Saipan 2SL (số 1691/ CNĐKT-BVTV ngày 02/01/2020)	Thuốc đậm đặc tan trong nước	Thuốc trừ bệnh	Kasugamycin 2% w/w	52:2023 /BVTV-SG		
46	Saizole 5SC (số 652/CNĐKT-BVTV ngày 31/5/2019)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ bệnh	Hexaconazole 50 g/l	53:2023 /BVTV-SG		
47	Samet 25EC (số 4197/ CNĐKT-BVTV ngày 10/3/2023)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ bệnh	Triadimenol 250 g/l	54:2023 /BVTV-SG		
48	Trizole 400SC (số 4665/ CNĐKT-BVTV ngày 10/3/2023)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ bệnh	Tricyclazole 400g/l	56:2023 /BVTV-SG	- Quyết định số 57398/QĐ-VC ngày 23/11/2023 của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy bổ	Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
49	Trizole 75WG (số 4484/ CNĐKT-BVTV ngày 11/10/2021)	Thuốc hạt phân tán trong nước	Thuốc trừ bệnh	Tricyclazole 75% w/w	57:2023 /BVTV-SG		
50	Trizole 75WP (số 4485/CNĐKT-BVTV ngày 11/5/2020)	Bột thấm nước	Thuốc trừ bệnh	Tricyclazole 75% w/w	58:2023 /BVTV-SG		

TT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Kiểu (dạng) thuốc	Loại thuốc	Đặc trưng kỹ thuật	Số, ký hiệu Bản công bố hợp quy	Căn cứ công bố hợp quy	Ghi chú
51	Vanicide 5SL (số 876/CNĐKT-BVTV ngày 11/5/2020)	Thuốc đậm đặc tan trong nước	Thuốc trừ bệnh	Validamycin 5% w/w	59:2023 /BVTV-SG	sung. - Số giấy chứng nhận: 1045739830 - Ngày hiệu lực: 22/11/2023 - Hạn hiệu lực: 22/11/2026	
52	Vanicide 5WP (số 875/CNĐKT-BVTV ngày 11/5/2020)	Bột thấm nước	Thuốc trừ bệnh	Validamycin 5% w/w	60:2023 /BVTV-SG		
53	Zin 80WP (số 880/CNĐKT-BVTV ngày 31/5/2019)	Bột thấm nước	Thuốc trừ bệnh	Zineb 80% w/w	61:2023 /BVTV-SG		
54	Sagoperfect 320SC (số 7337/ CNĐKT-BVTV ngày 11/02/2022)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ bệnh	Difenoconazole 120 g/l + Picoxystrobin 200g/l	62:2023 /BVTV-SG		
55	Saipora super 350SC (số 7338/ CNĐKT-BVTV ngày 11/02/2022)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ bệnh	Iprodione 250 g/l + Hexaconazole 100 g/l	63:2023 /BVTV-SG		
56	Ansaron 500SC (số 41/CNĐKT-BVTV ngày 09/12/2021)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ cỏ	Diuron 500 g/l	64:2023 /BVTV-SG		
57	Ansaron 80WP (số 40/CNĐKT-BVTV ngày 20/10/2023)	Bột thấm nước	Thuốc trừ cỏ	Diuron 80% w/w	65:2023 /BVTV-SG	- Quyết định số 57398/QĐ-VC ngày 23/11/2023 của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy bổ sung. - Số giấy chứng nhận: 1045739830 - Ngày hiệu lực: 22/11/2023 - Hạn hiệu lực: 22/11/2026	Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
58	Bé bụ 30SE (số 3610/ CNĐKT-BVTV ngày 10/5/2021)	Dạng nhũ tương – huyền phù	Thuốc trừ cỏ	Bensulfuron Methyl 1.5% w/w + Butachlor 28.5% w/w + Chất an toàn Fenclorim 10% w/w	66:2023 /BVTV-SG		
59	Bé bụ 30WP (số 3022/ CNĐKT-BVTV ngày 05/01/2021)	Bột thấm nước	Thuốc trừ cỏ	Butachlor 28.5% w/w + Bensulfuron Methyl 1.5% w/w (Chất an toàn	67:2023 /BVTV-SG		



TT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Kiểu (dạng) thuốc	Loại thuốc	Đặc trưng kỹ thuật	Số, ký hiệu Bản công bố hợp quy	Căn cứ công bố hợp quy	Ghi chú
				Fenclozim 10% w/w)			
60	Beron 10WP (số 1886/ CNĐKT-BVTV ngày 13/3/2020)	Bột thấm nước	Thuốc trừ cỏ	Bensulfuron Methyl 10% w/w	68:2023 /BVTV-SG		
61	Beto 14WP (số 1885/ CNĐKT-BVTV ngày 13/3/2020)	Bột thấm nước	Thuốc trừ cỏ	Acetochlor 12% w/w + Bensulfuron Methyl 2% w/w	69:2023 /BVTV-SG		
62	Butoxim 5GR (số 6451/ CNĐKT-BVTV ngày 08/02/2023 và 05/11/2019)	Thuốc hạt	Thuốc trừ cỏ	Butachlor 50 g/kg	70:2023 /BVTV-SG		
63	Butoxim 60 EC (số 556/CNĐKT-BVTV ngày 22/4/2019)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ cỏ	Butachlor 600 g/l	71:2023 /BVTV-SG		
64	Domino 20WP (số 1721/ CNĐKT-BVTV ngày 02/01/2020)	Bột thấm nước	Thuốc trừ cỏ	Bispyribac-sodium 20% w/w	72:2023 /BVTV-SG		
65	Fasfix 150SL (số 384/CNĐKT-BVTV ngày 12/10/2023)	Thuốc đậm đặc tan trong nước	Thuốc trừ cỏ	Glufosinate ammonium 150 g/l	73:2023 /BVTV-SG		
66	Mizin 500SC (số 4663/ CNĐKT-BVTV ngày 10/3/2023)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ cỏ	Atrazine 500g/l	74:2023 /BVTV-SG	- Quyết định số 57398/QĐ-VC ngày 23/11/2023 của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy bổ sung. - Số giấy chứng nhận: 1045739830 - Ngày hiệu lực: 22/11/2023 - Hạn hiệu lực:	Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
67	Mizin 80WP (số 4193/ CNĐKT-BVTV ngày 11/5/2020)	Bột thấm nước	Thuốc trừ cỏ	Atrazine 80% w/w	75:2023 /BVTV-SG		
68	Pataxim 55EC (số 419/CNĐKT-BVTV ngày 20/10/2023)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ cỏ	Butachlor 275g/l + Propanil 275g/l	76:2023 /BVTV-SG		

TT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Kiểu (dạng) thuốc	Loại thuốc	Đặc trưng kỹ thuật	Số, ký hiệu Bản công bố hợp quy	Căn cứ công bố hợp quy	Ghi chú
69	Pyanchor 5EC (số 3393/ CNĐKT-BVTV ngày 11/5/2020)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ cỏ	Pyribenzoxim 50g/l	77:2023 /BVTV-SG	22/11/2026	
70	Pyanchor gold 8.5EC (số 3399/ CNĐKT-BVTV ngày 22/4/2022)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ cỏ	Cyhalofop-butyl 6.0%w/w + Pyribenzoxim 2.5%w/w	78:2023 /BVTV-SG		
71	Pyan-plus 5.8EC (số 3494/ CNĐKT-BVTV ngày 11/5/2020)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ cỏ	Pyribenzoxim 50g/l + Fenoxaprop-P-Ethyl 8 g/l	79:2023 /BVTV-SG		
72	Saicoba 500EC (số 4673/ CNĐKT-BVTV ngày 15/5/2020)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ cỏ	Acetochlor 500g/l	80:2023 /BVTV-SG		
73	Sai-one 15EC (số 4195/ CNĐKT-BVTV ngày 08/02/2023 và 05/11/2019)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ cỏ	Fluazifop-P-butyl 150 g/l	81:2023 /BVTV-SG	- Quyết định số 57398/QĐ-VC ngày 23/11/2023 của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy bổ sung. - Số giấy chứng nhận: 1045739830 - Ngày hiệu lực: 22/11/2023 - Hạn hiệu lực: 22/11/2026	Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
74	Star 10WP (số 3271/ CNĐKT-BVTV ngày 22/4/2022)	Bột thấm nước	Thuốc trừ cỏ	Pyrazosulfuron Ethyl 10% w/w	82:2023 /BVTV-SG		
75	Venus 300EC (số 286/ CNĐKT-BVTV ngày 12/10/2023)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ cỏ	Pretilachlor 300g/l (chất an toàn Fenclorim 100 g/l)	83:2023 /BVTV-SG		
76	Diusinate 268SC (số 7339/ CNĐKT-BVTV ngày 11/02/2022)	Huyền phù đậm đặc cải tiến (Huyền phù đậm đặc hay thuốc đậm đặc có thể lưu biến)	Thuốc trừ cỏ	Diuron 160g/kg + Glufosinate ammonium 108g/kg	84:2023 /BVTV-SG		
77	Pesle super 374SL (số 7805/ CNĐKT-BVTV ngày 16/01/2023)	Thuốc đậm đặc tan trong nước	Thuốc trừ cỏ	Diquat dibromide 374g/l	85:2023 /BVTV-SG		
78	Sài Gòn P1 15WP (số 1887/ CNĐKT-BVTV ngày 13/3/2020)	Bột thấm nước	Thuốc điều hòa sinh trưởng	Paclobutrazol 15% w/w	86:2023 /BVTV-SG		

ĐÃ X
 ĐÃ X
 PHÁ
 ĐÃ X
 ĐÃ X

TT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Kiểu (dạng) thuốc	Loại thuốc	Đặc trưng kỹ thuật	Số, ký hiệu Bản công bố hợp quy	Căn cứ công bố hợp quy	Ghi chú
79	Sagolater 2.5PA (số 5427/ CNĐKT-BVTV ngày 22/4/2022)	Thuốc nhão	Thuốc điều hòa sinh trưởng	Ethephon 2.5% w/w	87:2023 /BVTV-SG		
80	Animat 40SL (số 5429/ CNĐKT-BVTV ngày 22/4/2022)	Thuốc đậm đặc tan trong nước	Thuốc điều hòa sinh trưởng	Mepiquat chloride 40% w/w	88:2023 /BVTV-SG		
81	Pyrolax 250EC (số 7183/ CNĐKT-BVTV ngày 26/10/2020 và 11/02/2022)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ bệnh	Pyraclostrobin 250g/l	89:2023 /BVTV-SG	- Quyết định số 57398/QĐ-VC ngày 23/11/2023 của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy bổ sung. - Số giấy chứng nhận: 1045739830 - Ngày hiệu lực: 22/11/2023 - Hạn hiệu lực: 22/11/2026	Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
82	Simatop 200SL (số 7589/ CNĐKT-BVTV ngày 16/01/2023)	Thuốc đậm đặc tan trong nước	Thuốc trừ cỏ	Glufosinate ammonium 200 g/l	91:2023 /BVTV-SG		
83	XinRon 800WG (số 7267/ CNĐKT-BVTV ngày 11/02/2022)	Thuốc hạt phân tán trong nước	Thuốc trừ cỏ	Diuron 800g/kg	92:2023 /BVTV-SG		
84	Broadsafe 200EC (số 6066/ CNĐKT-BVTV ngày 08/9/2022)	Thuốc sữa đậm đặc (Thuốc đậm đặc có thể nhũ hóa)	Thuốc trừ cỏ	Quizalofop-P-Ethyl 200g/l	93:2023 /BVTV-SG		
85	Clearner 75WP (số 6067/ CNĐKT-BVTV ngày 08/9/2022 và 16/01/2023)	Bột thấm nước	Thuốc trừ bệnh	Chlorothalonil 75%w/w	94:2023 /BVTV-SG		
86	Treppach Bul 607SL (số 2714/ CNĐKT-BVTV ngày 16/8/2021, 29/10/2020 và 11/7/2022)	Thuốc đậm đặc tan trong nước	Thuốc trừ bệnh	Propamocarb hydrochloride 607g/l Propamocarb (tương đương với 722g/l Propamocarb. HCl)	96:2023 /BVTV-SG		

Phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 01-188:2018/BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chất lượng thuốc bảo vệ thực vật.

Thông báo này có giá trị đến ngày 22 tháng 11 năm 2026.

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của tổ chức, cá nhân. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho thuốc bảo vệ thực vật phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của thuốc bảo vệ thực vật do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác. /

Nơi nhận:

- Cty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn (2b);
- VP Sở;
- CCTTBVTV (2b);
- Lưu: VT, CCTTBVTV.L (5b).

**TUQ. GIÁM ĐỐC
CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**



Lê Thị Nghiêm

